

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01-8-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa:* Bà Thái Thị Thanh Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Văn Tám
- Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 212/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H G, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt);

*Bị đơn:* Ông Lê Phước T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt không rõ lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 13/4/2023, Đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H G trình bày:*

Ông bà quen biết trên cơ sở tự tìm hiểu và có tình cảm với nhau vào năm 2013, sau đó được gia đình đồng ý thì tiến tới kết hôn, có tổ chức lễ cưới vào có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Đ, huyện B, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung tại nhà thuê gần nhà ba má chồng để buôn bán, hạnh phúc không bao lâu thì mâu thuẫn nên ông bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 143/2014/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Đến giữa năm 2018 thì ông bà gặp lại và thấy có thể tiếp tục

quan hệ hôn nhân nên về sống chung nhà, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T Đ, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/5/2019. Cuộc sống chung vợ chồng cũng không có nhiều hạnh phúc, do tính tình không hợp, vợ chồng nói chuyện không cùng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, hiện tại không ai còn có thiện chí xây dựng gia đình nên ông bà đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không liên lạc để hàn gắn mối quan hệ, không ai muốn tiếp tục mối quan hệ này. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Ph T.

Về nuôi con chung: Ông bà có một con chung tên Lê Ph Th, sinh ngày 08/5/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Gám trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Ph T:* Ông T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án ý kiến trình bày cũng như tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án.

*Sau khi thụ lý vụ án:* Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

*Tại phiên tòa:* Bà G vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không rõ lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị H G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Ph T, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H G có yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Ph T, xác định bà G là nguyên đơn, ông T là bị đơn.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo căn cứ tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông T xác lập quan hệ vợ chồng lần đầu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạ, huyện B, tỉnh Long An vào năm 2013 và đã ly hôn vào năm 2014. Năm 2018, ông bà về sống chung, có đăng ký kết hôn lần hai và được Ủy ban nhân dân xã Th Đ, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/5/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Bà G trình bày, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng có nhiều rạn nứt. Ông bà cũng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn gặp mặt, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông T các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà G, không thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân đã được xác lập lại lần hai nhưng cũng không thể duy trì nên cho thấy quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của bà G cùng các chứng cứ do bà Gám cung cấp thì ông bà có một con chung tên Lê Ph Th, sinh ngày 08/5/2019. Tòa án đã tiến hành gửi cho bị đơn bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp; tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu phản tố, Thông báo Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn biết và thực hiện nhưng Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn trong vụ án này, kể cả yêu cầu về nuôi con chung. Mặt khác, từ khi ông bà ly thân, con chung do bà G trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, khả năng bà Gám chăm sóc con chung được đảm bảo hơn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Thuận, giao bà G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T vắng mặt, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà G trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Ông T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H G về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Ph T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H G được ly hôn với ông Lê Ph T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Ph Th, sinh ngày 08/5/2019 cho bà Nguyễn Thị H G được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Ph T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Toà án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H G phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà Gấm đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009823 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị H G đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại Phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Thạnh Đức, huyện B, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Thanh Thúy**